

Một dòng sông cổ với di sản văn hoá

BÙI THẾ QUÂN

Từ khi người Việt tràn xuống khai phá châu thổ Bắc Bộ, họ định cư và làm ăn sinh sống ở hai bờ các dòng sông mà chủ yếu bằng nghề nông với việc trồng lúa nước, chăn nuôi gia súc, gia cầm và cả trồng dâu nuôi tằm. Bên cạnh đó, một số cư dân lại sống trên sông nước bằng nghề chài lưới. Sau này, khi nền kinh tế phát triển hơn thì giữa các tiểu vùng có sự giao lưu qua lại bằng việc trao đổi hàng hoá theo các tuyến sông. Những cư dân sống ở hai bên các dòng sông đôi lúc đã “thiên hoá” các dòng sông đó và “thiên hoá” cả các sự kiện tốt lành của lịch sử, tạo nên những giá trị truyền thống. Những giá trị truyền thống ấy còn để lại cho đến ngày nay, được phản ánh qua các di sản văn hoá.

Một trong những điểm nổi của đất Thăng Long nghìn năm văn vật có thể đã nằm trên hai bờ sông Thiên Đức xưa (hiện nay là bờ sông Đuống) thuộc địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Ngày xưa, sông Thiên Đức bắt nguồn từ sông Hồng, ở làng Xuân Canh chảy qua Hoa Lâm, Yên Thường (Đông Ngàn), Phù Ninh (Tiên Du), làng Vía, làng Tạnh, Cổ Bi, Siêu Loại (Gia Lâm) rồi đổ ra Lục Đầu giang. Năm 1856, Vua Tự Đức cho đào con sông Đuống để phân dòng nhằm giảm áp lực nước sông Hồng lên Hà Nội. Sông đào chia cắt làng Bắc Cầu (phường Ngọc Thụy) với làng Xuân Canh (Đông Anh) mà ngày nay ven sông thuộc địa phận phường Ngọc Thụy vẫn còn nền móng ngôi đền ở mỏm Mũi Rồng cùng nhiều hiện vật

tim thấy như tiền cổ, đồ gốm và nền móng ngôi chùa Ông Phủ, chùa Tự Nhiên cùng nhiều tấm bia đá có niên đại thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII, tượng Phật đầu thế kỷ XIX. Đến địa phận phường Thượng Thanh thì tách biệt làng Thanh Am với làng Lê Xá (Đông Ngàn). Đến nay, dân hai làng vẫn còn tục kết chạ. Sông chảy đến khu vực làng Vía (phường Giang Biên) làm mất dòng sông Thiên Đức và chia làng Vía ra làm hai khối, sau phát triển thành hai làng là: làng Vía lớn tức Tình Quang bên bờ Nam sông Đuống và làng Vía con tức là Cống Thôn hay còn gọi là làng Vía Cống. Dòng sông đã tách biệt hẳn làng Hội Xá với làng Phù Đổng. Sau nhiều lần đắp đê chống lụt, nhiều ngôi đình, chùa thuộc Giang Biên, Phúc Lợi vẫn phải dịch chuyển tới vị trí khác, mà nhiều tài liệu liên quan còn nhắc đến hoặc hiện tại vẫn còn những dấu vết kiến trúc của các công trình cổ.

1. Một số giá trị văn hoá vật thể tiêu biểu

Chúng tôi xin được điểm qua một vài di tích, cùng với nó là một số hiện vật chứa đựng những giá trị văn hoá - lịch sử tiêu biểu của vùng quê ven sông nước này.

1. Đình Thanh Am, phường Thượng Thanh

Đình Thanh Am nằm ở bìa làng, đó là một vị trí vốn có từ thời khởi dựng, không bị nhà ở của dân che mặt, khiến tính thiêng của đình luôn được đề cao và vai trò của Thành hoàng làng như được linh hơn. Đình Thanh Am còn gần sông Đuống, mặc nhiên con sông đã trở thành dòng lưu phúc thuộc tư duy nông nghiệp thuở trước. Xét về hệ thống kiến trúc cụ thể, tuy mặt

nền của ngôi đình hiện theo dạng chữ Công, nhưng kiến trúc bên trên lại được dựng thành ba toà khác nhau và theo kiểu "trùng thiềm điệp ốc", gồm: toà đại đình, thiềm hương, hậu cung và hai toà giải vũ. Đây là một đình lớn, còn dấu tích từ thế kỷ XVII (tuy không nhiều). Với niên đại này, hiện nay chúng ta chỉ có thể điểm tới trên địa bàn Hà Nội có: đình Xuân Dục, đình Tỉnh Quang, đình Yên Phụ, đình Thượng Cát, đình Công Đình, đình Thanh Am... Thực sự trên địa bàn quận Long Biên chỉ có đình Tỉnh Quang, đình Thanh Am. Kế tiếp sau niên đại này thì đình có dấu tích thế kỷ XVIII cũng không nhiều, điển hình như: Khương Thượng, Lại Đà... Chỉ như vậy, đã cho thấy giá trị của đình Thanh Am. Kiến trúc này hiện rất khang trang, có 5 gian, hai chái lớn và 2 dĩ, với 6 hàng chân. Thông thường, với số lượng cột như vậy thì hiếm sử dụng "bẩy" mà phổ biến dùng "kê". Thực ra, như nhiều kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng khác, đình Thanh Am cũng được chia làm ba phần theo chiều cao để gắn với tinh thần chia vũ trụ thành 3 tầng. Với mái coi như đồng nhất với tầng trên, mà ở đó có đầu kim với bóng dáng của thủy quái Makara hoá rồng như biểu hiện về việc cầu nguồn nước no đủ. Rồi lân đắp, tượng trưng cho sức mạnh tăng trên, cho sự trong sáng và trí tuệ..., từ trên cao nhìn xuống sân để kiểm soát tâm hồn kẻ hành hương. Nơi đầu đao, đầu guột với những vân xoắn, hoa lá cách điệu và nhất là những cụm mây có đuôi, như được gắn với sản phẩm của bầu trời, ẩn sau đó là ý thức cầu mưa. Vào thế kỷ XX, bờ nóc đình được đắp đôi rồng chầu mặt trời do hổ phù đội, mà bố cục này dễ được coi là một biểu hiện của cặp phạm trù "âm dương đối đãi". Hiện nay, mái đình được lợp bằng ngói vẩy rồng/hến và đáng chú ý là ở đầu hồi đã không còn sử dụng hình thức vĩ ruồi/rốn nhện, mà thay vào đó là một mái vẩy nhỏ. Đây là một sáng kiến ít có ở nơi khác, nó vẫn đủ khả năng che sự thô mập của bộ vì bên trong, với khả năng chống mưa tốt hơn, đồng thời lại gây được một điểm nhấn đẹp cho kiến trúc.

Bộ khung gỗ của đình là sự tổng hoà của kiến trúc suốt từ thế kỷ XVII tới thế kỷ XX. Với vì nóc theo kiểu "giá chiêng chống rường con nhĩ", vẫn sử dụng "câu đầu" kê trên cột cái qua

một đầu lớn, mà vẫn chưa sử dụng quá giang (dạng cấu trúc phổ biến từ thế kỷ XVIII về sau). Hệ thống kết cấu nối giữa cột cái và cột quân, hiện nay chủ yếu với dạng cốt chống rường và "cốt ván mê". Nối giữa cột quân ra cột hiên thường là những kẻ cong kiểu cổ ngỗng. Đình không còn sàn gỗ, nay được tôn bằng cách đắp cao nền. Trước đây, nền đình cũng như ở các loại hình di tích khác (kể cả nhà ở), thường không bao giờ lát, nhằm tạo cho không gian thiêng có sự hoà khí của âm dương, đưa phúc cho con người. Nền này bao giờ cũng được bó vữa đá để xác định về ranh giới giữa chốn thiêng và cõi tục.

Đình Thanh Am, cũng có thể được xếp vào diện một công trình có giá trị về mặt chạm khắc, với kỹ thuật chạm bong kênh, nổi, lõng... Đó là mai trúc hoá long (một nhà như thể trúc mai) vừa tượng trưng cho sự thanh cao, cho quân tử, vừa như nhắc nhở con người phải sum họp đoàn kết. Rồi nhiều loại cây khác như gắn với ước vọng thoát tục cầu thọ (tùng lộc)... Suy cho cùng, cây cối chạm trên đình Thanh Am không nhiều, nhưng với đường nét không thừa không thiếu, khúc khuỷu la đà... đã góp phần tạo cho những người quan tâm tới nó dễ gạt bỏ được vướng mắc trần thế mà trở về với sự hồn nhiên trong trắng rồi hoà vào không gian tâm linh để như tìm về bản thể nguyên sơ của chính mình. Nhìn chung, hiện nay đình Thanh Am vẫn còn một khuôn viên rộng, với nhiều cây cối xanh tốt, nơi đất lành, đủ không gian thoáng đãng để tôn tạo thành một điểm du lịch văn hoá của thủ đô trong hiện tại và tương lai. Điều đáng quý của đình là, tuy ít nhiều cũng đã bị xâm phạm, song các kiến trúc thành phần, về cơ bản, vẫn còn đủ để chúng ta có thể tập trung nghiên cứu về khía cạnh văn hoá của một thời đã qua.

2. Đình Tỉnh Quang, phường Giang Biên

Sự tồn tại của ngôi đình Tỉnh Quang hiện nay với những phần kết cấu và các mảng chạm khắc còn lại của nó đã khẳng định rằng: đình Tỉnh Quang là một ngôi đình làng hiện có giá trị về mặt niên đại và nghệ thuật cao nhất thuộc loại hình này nằm ở nội thành Hà Nội. Khởi nguyên, đình được dựng theo kiểu thức chữ Nhất, vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đình

được bổ sung phần hậu cung. Đình quay về hướng Đông Bắc (nhìn ra sông Đuống). Đó là điểm khác biệt đối với kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng có niên đại trước thế kỷ XVIII. Nhận thức này như gắn với "chức năng" của Thành hoàng làng là nhìn ra sông để chế ngự thủy tặc.

Ở lĩnh vực kiến trúc nghệ thuật: kiến trúc 6 hàng chân cột, chia thành 3 gian, 2 chái lớn, với ý thức kế thừa nghệ thuật truyền thống khá rõ rệt. Sự tinh tế của các mảng chạm dồn vào các đề tài vân xoắn lớn, để đầu đó như vẫn thoảng tiếng "thảm thì" gọi mưa, gọi mùa. Đó là những hình tượng rồng gắn với mây trời vân vũ, là những thiên thần, vũ nữ đang dang rộng tay múa những điệu trầm hùng của vũ trụ, là những lân, phượng tượng cho sự trong sáng và trí tuệ tầng trên. Và, trong đó chỉ riêng có một con lân nhô mõm đang ngậm đuôi con rắn, khiến chúng ta như ngỡ gặp được huyền thoại xa xưa đọng lại trong tiềm thức (hình thức này chịu ảnh hưởng của nghệ thuật Chămpa). Còn nhiều nữa những đề tài chạm nổi của nghệ thuật đương thời như cảnh hai lực sĩ thiên thần trong sự cường điệu của sức mạnh, rồi những đao mác và hoa lá thiêng mang tính biểu tượng để

phản ánh về một ước vọng vô bờ bến của tổ tiên. Suy cho cùng, trong một trường ý tưởng mệnh mông đầy trí tuệ của tổ tiên, qua lời gửi gắm từ các mảng chạm, chúng ta chỉ còn biết kính cẩn chiêm ngưỡng để rồi kính phục và xây dựng cho chính ta một bộ đỡ tinh thần chắc chắn để vượt qua những "thác ghềnh" của cuộc đời tục luy. Tóm lại, đình Tình Quang là một kiến trúc nghệ thuật cổ truyền, tạm đứng số một của nội thành Hà Nội hiện nay.

3. Đình Thượng Đổng, phường Phúc Lợi

Mới được di chuyển về địa điểm hiện nay, ở lĩnh vực kiến trúc thì hầu như chưa thấy gì đáng quan tâm, nhưng đình vẫn giữ được một số hiện vật quý hiếm, đó là hai bộ bài vị cổ, với nghệ thuật chạm trổ khá đẹp và một vài di vật khác...

Trước hết là tượng của người anh cả Trịnh Chính, pho tượng này theo lời kể của các cụ thì vốn được đặt ở miếu. Tượng có kích thước ngang cơ thể thực của con người, phục trang đội mũ cánh chuồn, mặc áo hoàng bào (áo của vua), ngồi trong ngai... Khuôn mặt phương phi, vương chữ điền. Thông qua các đề tài thể hiện trên mũ áo và dáng tượng, chúng ta tạm xếp niên đại của tượng vào khoảng cuối thế kỷ XIX,



"Hương xưa" bên dòng "Thiên Đức" - Ảnh: Tác giả

đầu thế kỷ XX (thời kỳ những qui định của triều đình phần nào bị nhạt phai trong nhận thức của quần chúng). Về cách thể hiện hoàng bào có bờ tử lớn, chạm nổi một con rồng với mặt nhìn thẳng ra phía trước, hai vai và gối có rồng chầu vào, dưới bờ tử và đai bụng có phượng vũ, đồng thời tay cầm hốt quyền uy, nhưng đầu lại đội mũ cánh chuồn của quan. Ngoài ra, một hình thức thay thế cho tượng ở đỉnh còn có hai chiếc bài vị khá đẹp. Chúng mang các nét chạm khá kỹ, đạt giá trị nghệ thuật cao, với niên đại khoảng đầu thế kỷ XVIII. Có thể mừng tượng ra được, đầu của bài vị như đầu người, nặng yếu tố dương, với mặt trời toả nhiều đao lửa hình mũi mác hoặc hai bên có rồng chầu... Thân bài vị như thân người, với cột trung tâm có tên thần và nhiều khi cả những lời tôn vinh. Sở dĩ nhìn bài vị gần như một biểu hiện về cơ thể của thần là từ kết quả của sự điều tra hồi cố lâu dài. Và, gần đây nhận thức này mới được củng cố hơn khi chúng ta tìm được ba bài vị bằng gỗ mang dạng hình nhân cụ thể ở đình Trường Lâm (Việt Hưng - Long Biên). Ngoài các hiện vật như nêu trên, đình còn có 10 pho tượng quan văn, quan võ đứng ken nhau cân đối hai bên, tuy 10 tượng này được thể hiện đơn giản nhưng vẫn đủ tư cách để đề cao thần Trịnh Chính lên tới *nhất phẩm triều đình*. Kèm theo là chiếc nhang án chính mang phong cách nghệ thuật cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, đặc biệt, hai chân trước đã được chạm nổi hai phỗng thờ cầm dải mây cuộn, mang đầy yếu tố dân gian, với một vẻ đẹp đột ngột... Chúng ta như ngỡ rằng, đây cũng là hình tượng của thế lực bên dưới đã quy thuận trước uy lực của Thần.

4. Chùa Hội Xá, phường Phúc Lợi

Tên chữ gọi là Linh Tiên tự đã cho thấy đặc tính dân gian của ngôi chùa này. Bằng vào những hiện vật còn để lại, ít nhất chúng ta có thể mừng tượng là chùa được dựng vào nửa đầu thế kỷ XVII. Trải qua những thác ghềnh của thời gian, ngôi chùa đã được tu bổ nhiều lần. Hiện nay chùa chỉ là một kiến trúc 5 gian, tường hồi bít đốc, quay hướng Tây, kết cấu nền chữ Đinh, với phong cách nghệ thuật khoảng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, vì nóc theo kiểu chồng rường, cốn mê..., còn nhiều dấu tích về chạm khắc, chứa đựng yếu nghĩa sâu xa. Trên

những cốn mê là những hình cây thiêng hoá rồng được chạm nổi khá đẹp, mà mỗi hình thức đó vẫn níu kéo tâm hồn nhân thế, bởi giá trị biểu tượng của chúng khó có thể tàn phai.

Bỏ qua những bộ tượng khác trên ban thờ, chúng tôi lưu tâm đến bộ tượng Tam thế Phật được chạm trổ rất đẹp, có niên đại khoảng nửa đầu thế kỷ XVII. Tạm nghĩ rằng, bộ tượng Tam thế này có thể xếp vào "loại một" của cấp quốc gia. Bộ tượng kể trên vừa có phong cách mang nét phương Nam, gần với nghệ thuật Ấn Độ (sọ lớn, hàm thon, có hoa tai, hình đài sen ngược). Đáng quan tâm là tượng để hở nửa ngực, vai và cánh tay bên phải (đây là một hình thức đề cao Phật pháp tối thượng...), áo tượng vẫn còn ít nếp, các nếp đều được uốn lượn mềm mại và có suy tư sâu. Pho tượng ở giữa không để áo trật khỏi vai hữu mà phủ gần kín như các tượng cùng loại ở chùa khác. Tuy nhiên, tượng vẫn cùng một phong cách như hai tượng bên. Đặc biệt, đài sen của cả 3 pho tượng đều mang phong cách Mạc (nửa cuối thế kỷ XVI - nửa đầu thế kỷ XVII...), với các cánh múp phồng và nhỏ hẳn mũi ra.

5. Đình và chùa Lệ Mật, phường Việt Hưng

Trước hết là ngôi đình Lệ Mật, ngôi đình này được khởi dựng từ bao giờ thì chưa biết nhưng cách đây khoảng 100 năm, nó được chuyển về vị trí như hiện nay, trong khu vực của ngôi chùa cũ, mà bằng chứng cụ thể là, tái sử dụng hệ thống chân tảng của chùa. Những chân tảng đá có những cánh sen, với đường nét hoa văn mang phong cách nghệ thuật cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII. Đình Lệ Mật tôn thờ ông Hoàng Quý công, có công đánh giặc long cước xác công chúa nhà Lý trên sông Thiên Đức, mà ẩn sau đó là ý nghĩa chống thủy quái, trị thủy tặc của cư dân nơi đây.

Chuyển sang ngôi chùa Lệ Mật (chùa Cổ Giao) đã bị dịch chuyển trong đợt chuyển đình về vị trí nêu trên. Văn bia tại chùa lập năm Bảo Thái thứ 4 (1723) ghi lại rằng: "Xã ta vốn có núi đẹp, vốn có mạch nguồn, thật là đất phúc. Phía trước hướng Chu Tước (hướng Nam), phía sau hướng Huyền Vũ (hướng Bắc) tám ngả châu về, tay trái là Bạch Hổ, tay phải là Thanh Long, bốn thần bao bọc, cảnh tượng dân chúng thái bình, gần bó mãi mãi. Đào Nhân Thọ chứng

vận mệnh trời lấy ruộng chia cho mọi người canh tác, đời sống nhân dân được hưởng phúc thái bình. Có chùa Cổ Giao là danh lam từ xa xưa đã bị nghiêng đổ, mọi người may gặp phủ sĩ sở Hoa Lâm là Khả Văn Tài, tự là Phúc Hải, vợ là Lương Thị Ổn, hiệu là Từ Niệm đã không tiếc gia sản tự nguyện bỏ ra công đức 40 quan tiền, 5 sào ruộng tốt để mua gỗ tốt làm cột kèo tu bổ chùa...". Cũng như ngôi chùa Hội Xá nêu trên, đáng quý nhất ở chùa Lệ Mật còn lưu giữ được bộ tượng Tam thế Phật ngồi trên đài sen, trong tư thế "Kiết già hàng ma", mỗi pho tượng có ấn quyết khác nhau, pho giữa kết ấn "Thiên định", pho bên phải kết ấn "Gia trì bổn tôn" và pho bên trái kết ấn "Vô úy". Tượng có khuôn mặt trái xoan, cổ đeo "anh lạc", dưới đài sen là bệ có tạo tác biểu tượng rồng trong lòng lá đề. Đây là sản phẩm của nghệ thuật tạo hình cuối thế kỷ XVI, đầu XVII.

II. Sự thiêng hoá của dòng Thiên Đức gắn với những nghi thức cộng đồng

Theo khảo sát thực tế, sông Thiên Đức từ xa xưa có vai trò to lớn đối với cư dân nông nghiệp trồng lúa nước. Đặc biệt, từ thế kỷ XVI trở đi nó là một dòng lưu thông thương mại quan trọng từ kinh đô Thăng Long về khu vực Luy Lâu (Đâu), đi về Lục Đầu giang. Vấn đề này còn được thể hiện qua câu ca dao khá nổi tiếng mà nhiều lần Cố Giáo sư Trần Quốc Vượng đã nhắc đến:

Lênh đênh hai ba mũi thuyền kẻ,

Thuyền ra sông Nhị, thuyền về sông Đâu.

Tuy vậy, dòng Thiên Đức là một sông lớn, sự hung dữ của dòng chảy thật đáng kinh ngạc, mà cư dân vùng sông nước này đã "thiên hoá", đề cao và ứng xử với nó như một thực thể siêu phàm. Những lễ hội hay những trò diễn trong lễ hội của cư dân ven sông Thiên Đức này ít nhiều phản ánh điều đó. Dưới đây là một số lễ thức tiêu biểu.

1. Lễ Đả ngư ở lễ hội Lệ Mật

Lễ Đả ngư là một nghi thức tâm linh quan trọng và không thể thiếu được trong lễ hội truyền thống Lệ Mật. Lễ tục này được bắt nguồn từ sự tích chàng trai họ Hoàng đã xả thân đánh giặc Long, cướp xác công chúa nhà Lý. Như một mạch nguồn truyền thống, hàng năm vào dịp lễ hội, dân làng Lệ Mật tổ chức lễ "Đả ngư" tức đánh cá. Lễ Đả ngư là một màn trình diễn tâm linh, thông qua đó gửi lời ước

Bùi Thế Quân: *Một dòng sông cổ với...*

nguyện tri ân của công chúa đối với vị Thành hoàng làng. Ước nguyện ấy dường như có ứng nghiệm là, đêm trước đánh cá, trời thường mưa, để thông qua đó mà chuyển cá từ Hồ Tây về giếng Ngọc. Nhân dân địa phương ai cũng tin rằng, con cá của công chúa gửi về bao giờ cũng được đánh dấu bằng chấm đỏ hoặc chấm ngả vàng ở trên lớp vẩy của thân cá. Cá đánh được đều đặt trên chiếc mâm đồng, phủ vải điều, rước vào miếu để trình công chúa, rồi mới rước cá vào đình để cúng thần.

Cá sau khi trình Thánh sẽ được cắt làm ba khúc: khúc đầu thì bung, khúc đuôi thì rán, khúc giữa thì làm gỏi; còn xương sống thì băm cùng với ruột, tạo nên một thứ nước hơi đặc sánh. Khi đã làm xong món gỏi cá thì cụ Từ lên nhang rồi mới "khởi chinh cổ" (Tế).

Ý nghĩa của việc đánh cá và làm gỏi cá như thoảng phản ánh khát vọng cầu mưa thuận gió hoà để vụ mùa bội thu và phần nào phản ánh khát vọng trị thủy qua sự khuất phục các loài thủy tộc...

2. Tục mổ trâu ở lễ hội làng Nông Vụ

Vào dịp mùng 10 tháng 2 Âm lịch lại có tục "Mổ trâu". Trâu được tắm rửa sạch sẽ, sau đó chọc tiết, rồi đem thui để tế thần. Đáng chú ý là "Bát mao huyết" mà theo các già làng ở Nông Vụ kể lại thì, trước đây tiết trâu được cho vào trong một ống tre/nứa rồi bỏ vào ít lông được lấy từ khoáy trâu dâng tế thần chứng giám, sau đó đem chôn ở một ngôi miếu phía sau đình. Chúng tôi ngờ rằng, miếu này thờ Thổ địa. Việc đem chôn bát mao huyết ở miếu Thổ địa cũng như đem chôn trước bức bình phong (có hình tượng hổ) là gợi ý cho Thổ thần hãy theo cách gợi ý của chúng dân mà mổ mang sản xuất, đem đến mùa màng bội thu.

3. Múa Ải Lao ở Hội Xá

Thông thường, múa Ải Lao là của dân Hội Xá, được đưa qua sông để tham gia vào hội Gióng. Múa có diễn trình như sau: ngày hội chính (9/4 Âm lịch), đi đầu đoàn là phường áo đỏ, áo đen vác cờ thần, chấp kích (là thanh niên quang quẻ), tiếp tới là đoàn Ải Lao, đi giữa đoàn là ông Hoàng Hổ trong động tác vừa đi vừa múa. Hai bên là ông Trống và ông Mèn đánh nhịp chỉ huy. Tiếp tới là hai ông cầm 2 cây bông 5 tầng, các tầng đều lồng vào chỉ ngũ sắc, cũng vừa đi vừa múa theo nhịp, sau đó là

hai hàng dọc, với các ông từ 35 tuổi trở lên (mỗi hàng từ 12 đến 15 ông), mỗi người đều cầm hai nửa ống tre có tua ngũ sắc gõ vào nhau. Cuối đoàn Ái Lao là ông Câu cá. Người dân địa phương cho ông Hoàng Hổ là tướng của Thánh Gióng, ông Câu cá được coi như là một đại diện của giới bình dân theo Thánh Gióng đi đánh giặc. Song chúng tôi vẫn ngỡ rằng, nhận thức này đã bị đơn giản hoá (các sự kiện) mà có lẽ ở đây còn mang yếu tố tâm linh cao hơn rất nhiều. Cụ thể như: ông Hổ là hiện thân của sức mạnh trần gian mang chức năng cai quản mặt đất, có khả năng trừ tà sát quỷ, đứng ở trung phương đại diện cho cả ngũ phương... Còn ông Câu cá như vừa tượng trưng cho thế giới nước có khả năng trấn trị các lực lượng ở thế giới thủy sinh. Hội lại đó là toàn bộ thế lực của đất và nước hỗ trợ cho Thánh Gióng, cũng có nghĩa như hỗ trợ cho sự mở mang đất nước của người Việt ở đương thời. Rõ ràng, đây là một hiện tượng của lễ hội truyền thống, nhưng có thể nó đã ẩn chứa biết bao dấu ấn của lịch sử, đang đòi hỏi chúng ta phải giải mã.

4. Múa Lột rấn ở Trường Lâm

Sau những nghi thức rước nước, tế nam quan vào buổi sáng ngày mồng 9 tháng 2 Âm lịch. Khoảng 4 - 5 giờ chiều diễn ra nghi thức múa "Lột rấn". Đầu và đuôi rấn dạng hình "lốt" làm bằng mã. Con rấn dài 7 hoặc 9 khúc, do 7 hoặc 9 thanh niên chưa vợ trong làng được chọn ra. Đầu rấn do người đứng khúc đầu đội, đuôi rấn do người khúc đuôi đeo ở lưng. Rấn có màu trắng do người mặc trang phục quần áo trắng. Trong tư thế đi đứng khom, bám vào đai lưng nhau tạo thành con rấn trắng hoàn chỉnh. Ngoài rấn còn có người cầm trống khẩu, đánh và hát, kèm câu đồng dao và chỉ huy rấn trườn, rồi bò và lộn, thể hiện lột xác. Sau 3 lần lột xác (tức khoảng thời gian hết một tuần hương với 3 tuần rước), rấn trườn vào trong hậu cung đình và biến mất. Trong khoảng thời gian đó, trai gái

đến xem tranh thủ "tòm tem nhau", vừa xem vừa xô đẩy. Kết thúc trình diễn lột xác, phần đầu và đuôi rấn được làm lễ "Phần hoàng" (Hoá vàng).

Từ điệu múa trên, chúng ta có thể đưa ra một số giả thiết để làm việc, như sau:

- Qua 3 lần lột xác, thoảng đầu đó có nét tương đồng "đánh trận" trong hội Gióng (3 ván thuận, 3 ván nghịch) như là biểu kiến của sự đầy đủ.

- Sự trườn, bò của rấn trắng và biến mất trong hậu cung kèm câu đồng dao: "Bạch xà đại tướng, mình dài muôn trượng, đi khắp bốn phương, hộ quốc dân an, khang dân vật thịnh, trở về làng ta, là Trường Lâm sở, mở hội xướng ca, đình trung vui vẻ, chúc già mạnh khoẻ, trẻ được bình an, con cháu thảo hiền, nhân dân thờ phụng, má nha má nhạc, đánh giá hoàn thiên, nghe lệnh trên truyền, ta đi nơi khác..." như gợi ý cho thần hãy theo cách của chúng tôi đây mà tiêu thoát lũ để có mùa màng bội thu.

Giờ đây những nghi thức, trò diễn xưa tuy đã bị biến đổi nhiều, vì ý nghĩa khởi nguyên dần bị suy lạc, hoặc có nơi mới bước đầu khôi phục lại. Nhưng, trên tinh thần hồi cố chúng ta thấy rằng, từ xa xưa cho đến bây giờ, những cư dân bên dòng sông Thiên Đức đã tạo nên những giá trị truyền thống hết sức phong phú. Đó là việc khai thác dòng sông thành con đường huyết mạch, việc ứng xử với thiên nhiên trong việc trị thủy và cả việc mở mang sản xuất mà chủ yếu là nông nghiệp nhưng bên cạnh đó phần nào như còn biểu hiện về sự phát triển thương mại.

Giờ đây nhiều lễ thức nông nghiệp đã dần chìm vào vô thức, nhưng những diễn xướng dân gian dường như vẫn là phần hữu thức không thể thiếu trong đời sống tâm linh. "Lội dòng nước ngược", để hoà mình vào dòng Thiên Đức cũng chính là ngã đường tìm về những giá trị văn hóa tinh hoa./.

B.T.Q

BÙI THẾ QUÂN: AN ANCIENT RIVER WITH CULTURAL HERITAGE

The local residents of riverside villages have affected by rivers, and it aroused some specific cultural characteristics on their belief, social activities and daily life etc. These characteristics have been either rich or poor depending on each river, and there is one example of the south bank of ancient Thiên Đức River, now Long Biên district, Hanoi.